

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2025/DS-ST
Ngày 10-6-2025
“Về việc tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh.

Ông Hà Trọng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 938/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 516/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (viết tắt là BV B1).

Trụ sở: Tòa nhà HM T đường N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T1 – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Số A - A đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ T2, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1980. (vợ ông T2, vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm B, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Cùng địa chỉ liên lạc: Đường số E, khóm C, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày yêu cầu:*

Vào ngày 08/11/2023, ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P ký kết với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh C hợp đồng hạn mức tín dụng khách hàng cá nhân số 0362300056700 và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 0362300056700001 và số 0362300029800002 để vay vốn tại BV B1; tổng số tiền vay là 2.590.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất vay: được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T2 và bà P đã vi phạm hợp đồng về việc thanh toán nợ cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 24/02/2025 thì ông T2 và bà P còn nợ tổng số tiền là 866.445.500 đồng, bao gồm: nợ gốc là 680.792.435 đồng, nợ lãi là 185.653.065 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T2 và bà P vẫn không có thiện chí trả nợ vay.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P thanh toán tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 10/6/2025 là 892.695.840 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ.

** Đối với vợ chồng ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T2 và bà P không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của Ngân hàng.*

** Tại phiên toà:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P thanh toán tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 10/6/2025 là 892.695.840 đồng, trong đó: nợ gốc là 680.792.435 đồng,

nợ lãi là 211.903.405 và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng hạn mức tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ.

- Vợ chồng ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử lần 2, nhưng ông bà vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Xét về hợp đồng tín dụng*: Vào ngày 08/11/2023, ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P ký kết với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh C hợp đồng hạn mức tín dụng khách hàng cá nhân số 0362300056700 và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 0362300056700001 và 0362300029800002 để vay vốn tại BV B1; số tiền vay là 2.590.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất vay: được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Do đó, Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ là hợp pháp.

[2.2] *Xét về yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng*: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân, thì vợ chồng ông T2 và bà P đã thực hiện hợp đồng là thanh toán nợ gốc và lãi suất nhưng không đầy đủ; ông T2 và bà P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu trả tiền vay của Ngân hàng; Do ông T2 và bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên cần phải buộc ông T2 và bà P thanh toán nợ tính đến ngày 10/6/2025 với tổng số tiền là 892.695.840 đồng; trong đó: nợ gốc là 680.792.435 đồng, nợ tiền lãi là 211.903.405 đồng.

Từ ngày 11/6/2025, ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng hạn mức tín dụng khách hàng cá nhân số 0362300056700 và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy

nhận nợ số 0362300056700001 và số 0362300029800002 của Ngân hàng TMCP B đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền = 38.781.000 đồng. *(Ba mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn đồng, tính tròn số)*

- Phần Ngân hàng TMCP B nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 100 của Luật Các Tổ chức Tín dụng.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P.

Buộc ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 10/6/2025 là 892.695.840 đồng; trong đó: nợ gốc là 680.792.435 đồng, nợ lãi là 211.903.405 đồng.

Từ ngày 11/6/2025, ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng hạn mức tín dụng khách hàng cá nhân số 0362300056700 và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 0362300056700001 và số 0362300029800002 của Ngân hàng TMCP B đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ

của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Vũ T2 và bà Trần Thị Mỹ P phải chịu án phí với số tiền là 38.781.000 đồng.

+ Phần Ngân hàng TMCP B nộp tạm ứng án phí với số tiền 18.462.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0009968 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau – tỉnh Cà Mau, nay được nhận tại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn